

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai quyết toán các khoản thu - chi ngoài ngân sách
Năm học 2024 - 2025**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 06 tháng 6 năm 2025;

Chúng tôi lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán các khoản thu - chi ngoài ngân sách năm học 2024 - 2025 gồm;

- | | |
|------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Nhân | - Hiệu trưởng |
| 2. Ông Nguyễn Văn Lùng | - Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Đỗ Thị Huyền | - Chủ tịch CD - Đại diện GV |
| 4. Bà Dương Thị Đăng | - Trưởng Ban Ttra - TP tổ 4,5 |
| 5. Bà Nguyễn Thị Mây | - Tổ trưởng tổ 4,5 |
| 6. Bà Dương Thị Thuý | - Tổ trưởng tổ 1,2,3 |
| 7. Ông Vũ Đình Trọng | - Kế toán |
| 8. Bà Nguyễn Thị Hà | - Thủ quỹ - Thư ký |

I. Địa điểm công khai: Tại trường Tiểu học An Lạc và Website nhà trường

II. Hình thức công khai: Niêm yết tại nhà trường 15 ngày kể từ ngày 06/6/2024 đến ngày 20/6/2024;

III. Nội dung công khai:

Thực hiện niêm yết công khai quyết toán các khoản thu - chi ngoài ngân sách năm học 2024-2025 như sau:

- + Tiền ăn bán trú, Phục vụ bán trú, Phụ phí bán trú
- + Tiền học hai buổi trên ngày khối 1,2,3,4,5
- + Tiền nước uống học sinh
- + Tiền vệ sinh

(Kèm theo báo cáo quyết toán thu - chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2024-2025)

- Biên bản được lập vào hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày, được đọc lại cho tất cả mọi người cùng nghe, đều thống nhất với nội dung ghi trong biên bản và đồng ý ký tên để thực hiện.

- Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau: Nhà trường giữ 01 bản lưu vào hồ sơ công khai; 01 bản kèm theo hồ sơ để niêm yết; 01 bản gửi cơ quan chủ quản.

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hà



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG
TIỂU HỌC
AN LẠC

Nguyễn Hữu Nhân

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC

Dương Thị Đăng

Đỗ Thị Huyền

Nguyễn Thị Mây

Nguyễn Văn Lùng

Vũ Đình Trọng

Số: 131 / THAL-KT-BCQT

An Lạc, ngày 05 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
Các khoản thu ngoài ngân sách - Năm học 2024-2025

1. Bán trú:

1.1. Tiền ăn

Tháng	Tổng số HS ăn bán trú	Tổng số CBGVNV ăn bán trú	Số HS miễn tiền ăn	Số tiền 1 bữa	Tổng số tiền thu (đồng)	Tổng số tiền chi (đồng)	Thừa/ thiếu
T9/2024	406	17	10	20.000	150.020.000	114.669.160	35.350.840
T10	403	17	12	20.000	156.840.000	187.190.080	5.000.760
T11	403	17	12	20.000	171.980.000	170.630.040	6.350.720
T12	407	17	12	20.000	181.260.000	179.360.240	8.250.480
T1/2025	407	17	12	20.000	121.780.000	122.460.800	7.569.680
T2	409	17	12	20.000	165.620.000	161.744.520	11.445.160
T3	408	17	12	20.000	170.740.000	170.252.320	11.932.840
T4	408	17	12	20.000	171.520.000	172.299.960	11.152.880
T5	408	17	12	20.000	97.920.000	98.684.320	10.388.560
Cộng				20.000	1.387.680.000	1.377.291.440	10.388.560

- Đối trừ thu- chi : Thừa 10.388.560 đồng

+ Chi trả tiền miễn giảm thuế theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 cho HS, GV ăn bán trú từ T9/2024 đến T5/2025 Năm học 2024-2025: 8.308.560 đồng.

+ Trả lại tiền ăn học sinh do kết thúc năm học T5/2025 Năm học 2024-2025: 2.080.000 đồng.

1.2. Chăm sóc, phục vụ bán trú

- Thu:

Tháng	Tổng số HS ăn bán trú	Số HS miễn giảm	Số tiền 1 tháng	Tổng số tiền thu (đồng)	Ghi chú
T9,10,11,12/2024	421		145.000	240.571.000	Thất thu: 01 HS, một số học sinh đăng kí ăn mới sẽ không thu cả 145.000đ
T1/2025	419		99.000	41.481.000	Thất thu: 01 HS
T2	420		145.000	60.784.000	
T3	417		145.000	60.465.000	Thất thu: 01 HS; 2 HS nghỉ ốm dài hạn không thu
T4	419		145.000	60.755.000	Thất thu: 01 HS

T5	419		80.000	33.520.000	Thất thu: 01 HS
Cộng			145.000	497.576.000	

- Chi (Thêm/bớt nội dung theo thực chi của nhà trường)

STT	Nội dung chi	Số người/Số tháng	Số tiền 1 tháng (đồng)	Tổng số tiền chi (đồng)	Ghi chú
1	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 9,10,11,12/2024 - Năm học 2024-2025	17 người	2.547.222	216.513.900	Chi 5 tháng
2	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 9,10,11,12/2024 - Năm học 2024-2025	5 tháng	2.405.710	12.028.550	
3	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5% phục vụ bán trú tháng 9,10,11,12/2024 - Năm học 2024-2025	5 tháng	2.405.710	12.028.550	
4	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 01/2025 - Năm học 2024-2025	17 người	2.196.053	37.332.900	
5	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5% phục vụ bán trú tháng 01/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	2.074.050	2.074.050	
6	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 01/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	2.074.050	2.074.050	
7	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 02/2025 - Năm học 2024-2025	17 người	3.217.976	54.705.600	
8	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5% phục vụ bán trú tháng 02/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	3.039.200	3.039.200	
9	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 02/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	3.039.200	3.039.200	
10	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 03/2025 qua TK người nhận (kèm theo danh sách) - Năm học 2024-2025	17 người	3.201.088	54.418.500	
11	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5% phục vụ bán trú tháng 03/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	3.023.250	3.023.250	
12	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 03/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	3.023.250	3.023.250	
13	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 04/2025 qua TK người nhận (kèm theo danh sách) - Năm học 2024-2025	17 người	3.216.441	54.679.500	
14	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5%	1 tháng	3.037.750	3.037.750	

	phục vụ bán trú tháng 04/2025 - Năm học 2024-2025				
15	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 04/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	3.037.750	3.037.750	
16	Thanh toán tiền công phục vụ bán trú tháng 05/2025 qua TK người nhận (kèm theo danh sách) - Năm học 2024-2025	17 người	1.774.588	30.168.000	
17	Thanh toán tiền nộp thuế TNDN 5% phục vụ bán trú tháng 05/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	1.676.000	1.676.000	
18	Thanh toán tiền nộp thuế GTGT 5% phục vụ bán trú tháng 05/2025 - Năm học 2024-2025	1 tháng	1.676.000	1.676.000	
Cộng				497.576.000	

- Đối trừ thu- chi : 0 đồng

1.3 Tiền Phụ phí bán trú

- Thu:

Tháng	Tổng số HS ăn bán trú	Số HS miễn giảm	Số tiền 1 tháng	Tổng số tiền thu (đồng)	Ghi chú
T9,10,11,12/2024	421		5.000	8.305.000	Một số đăng kí ăn mới thu 1 nửa
T1/2025	420		5.000	2.100.000	
T2	420		5.000	2.100.000	
T3	419		5.000	2.095.000	
T4	420		5.000	2.100.000	
T5	420		2.500	1.050.000	
Cộng				17.750.000	

- Chi (Thêm/bớt nội dung theo thực chi của nhà trường)

STT	Nội dung chi	Số người	Số tiền 1 tháng (đồng)	Tổng số tiền chi (đồng)
1	Thanh toán gói 5000 hoá đơn điện tử			2.937.000
2	Thanh toán mua xà phòng, Giấy ăn, Nước lau sàn, Găng tay 1 lần			5.368.000
3	Thanh toán mua xà phòng, Giấy ăn, Nước lau sàn, Găng tay 1 lần cho đơn vị bán hàng Cao Thị Hạnh			9.445.000

	STK 0341001754194 ngân hàng VietComBank - Chi nhánh Hải Dương			
Cộng				17.750.000

- Đối trừ thu- chi : 0 đồng

2. Dạy 2 buổi trên ngày ở tiểu học

* Thu:

Tháng	Tổng số HS đã đc miễn giảm	Số HS miễn giảm	Số tiền 1 tháng	Tổng số tiền thu	Ghi chú
				(đồng)	
T9/2024	458,5	15	125.000	57.250.000	
T10	458,5	15	125.000	57.250.000	
T11	457,5	15	138.000	63.066.000	HS chuyển đi: 01
T12	457,5	15	138.000	63.066.000	
T1/2025	457,5	15	200.000	91.400.000	
T2	456,5	15	200.000	91.200.000	HS chuyển đi: 01 HS chuyển đến: 02
T3	456,5	15	200.000	91.200.000	
T4	456,5	15	200.000	91.200.000	
T5	456,5	15	200.000	91.200.000	
Cộng				696.832.000	

* Thực chi

+ Chi thanh toán dạy vượt giờ so với định mức: (1) 542.363.800 đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi 1 tiết	Số tiết phải thanh toán	Thành tiền
1	Chi thanh toán dạy vượt giờ T9,10/2024	130.000	684	88.920.000
2	Chi thanh toán dạy vượt giờ T11,12/2024	139.000	703	97.717.000
3	Chi thanh toán dạy vượt giờ từ T1->T5/2025	171.600	2073	355.726.800
	Cộng		3460	542.363.800

+ Chi công tác quản lý 2 buổi trên ngày: (2) 104.524.800 đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi 1 người/ tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
1	Chi Quản lý của Hiệu trưởng (0,4)	3.245.547	9	1	29.209.920

2	Chi Quản lý của Phó hiệu trưởng (0,25)	2.028.467	9	1	18.256.200
3	Chi Quản lý của Kế toán (0,25)	2.028.467	9	1	18.256.200
4	Chi Quản lý của Thủ quỹ (0,1)	811.387	9	1	7.302.480
5	Chi công tác quản lý của các TTCM, TPCM, TPTĐ, BTCD	500.000	9	7	31.500.000
Cộng					104.524.800

+ Chi cơ sở vật chất (3) **36.006.760 đồng**

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
1	Thanh toán tiền sửa bảng trượt cho 11 lớp học	12.600.000	
2	Thanh toán tiền mua bàn thư viện, kệ giá sách, thảm nỉ đồ phục vụ phòng thư viện nhà trường đón chuẩn theo TT16	23.406.760	
Cộng		36.006.760	

+ Chi nộp thuế doanh nghiệp: 13.936.640 đồng (4)

Tổng số kinh phí thực chi: (1)+ (2) + (3) + (4): 696.832.000 đồng

* Đối trừ thu - chi: 0 đồng

3. Tiền Vệ sinh, môi trường

- Thu:

Tháng	Tổng số HS đã đc miễn giảm	Số HS miễn giảm	Số tiền 1 tháng	Tổng số tiền thu (đồng)	Ghi chú
T9/2024	458,5	15	20.000	9.160.000	
T10	458,5	15	20.000	9.160.000	
T11	457,5	15	20.000	9.140.000	HS chuyển đi: 01
T12	457,5	15	20.000	9.140.000	
T1/2025	456,5	15	20.000	9.130.000	
T2	458	15	20.000	9.160.000	HS chuyển đi: 01 HS chuyển đến: 02
T3	458	15	20.000	9.160.000	
T4	458	15	20.000	9.160.000	
T5	458	15	20.000	9.160.000	
Cộng				82.370.000	

- Chi:

STT	Nội dung chi	Mức chi 1 người/ tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
1	- Chi lao công	4.000.000	9	2	72.000.000
2	- Chi mua dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, chổi lau nhà ...				10.370.000
Cộng					82.370.000

- Đối trừ thu- chi: 0 đồng

4. Tiền nước uống

- Thu:

Tháng	Tổng số HS đã đc miễn giảm	Số HS miễn giảm	Số tiền 1 tháng	Tổng số tiền thu (đồng)	Ghi chú
T9/2024	470		7.000	3.290.000	
T10	470		7.000	3.290.000	
T11	469		7.000	3.283.000	HS chuyển đi: 01
T12	469		7.000	3.283.000	
T1/2025	468		7.000	3.276.000	
T2	469		7.000	3.283.000	HS chuyển đi: 01 HS chuyển đến: 02
T3	469		7.000	3.283.000	
T4	469		7.000	3.283.000	
T5	469		7.000	3.283.000	
Cộng				29.554.000	

- Chi:

STT	Nội dung chi	Mức chi 1 tháng	Số tháng	Thành tiền
1	- Chi mua nước HK 1	10.000	4	13.145.030
2	- Chi mua nước HK 2	11.000	5	16.408.970
	Cộng			29.554.000

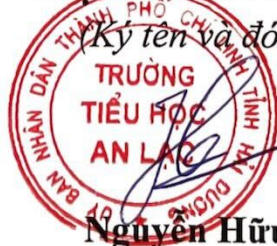
- Đối trừ thu- chi: 0 đồng

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
KẾ TOÁN



Vũ Đình Trọng

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT



Nguyễn Hữu Nhân